

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2022

V/v “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh T

2. Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị D, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Huỳnh Tịnh, xã Nhơn Hòa L, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Bùi Chí T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Giồng Dung, xã Hậu Thạnh T, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai bà Trần Thị D trình bày: Bà với ông T đăng ký kết hôn ngày 09/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian chung sống giữa bà và ông T có mâu thuẫn như bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung trong hôn nhân, nên đến giữa năm 2018 bà và ông T quyết định sống ly thân. Nay về tình cảm bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con tên Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 11/01/2013. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Chí T: Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số:127/2021/TB-TLVA ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng ông Bùi Chí T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Đối với ông Bùi Chí T, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022; tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và ấn định thời gian mở phiên tòa ngày 08 tháng 3 năm 2022 nhưng ông T cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[1.2]Bà Trần Thị D và ông Bùi Chí T đăng ký kết hôn ngày 09/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nay bà D xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2010 bà D và ông T chung sống với nhau, cho đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thạnh T, huyện T, tỉnh Long An. Sau đó bà D và ông T về sống bên cha mẹ chồng tại xã Hậu Thạnh T, trong thời gian này hai bên sống có hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân do trong lúc chung sống bà D và ông T không hợp tính tình, nên bà D tạo cơ hội để hai bên hòa hợp với nhau nhưng không kết quả dẫn đến trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm với nhau. Ngoài ra việc này được cha mẹ dàn xếp khuyên giải nhưng bà D và ông T không hàn gắn được, từ đó mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên ngày càng trầm trọng, cho đến tháng 06 năm 2018 bà D sống ly thân với ông T.

[2.2] Đối với ông T, Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến đương sự trong vụ án ngày 10/12/2021, nhưng đến nay ông T không có văn bản hay ý kiến về việc bà D xin ly hôn, cũng như ông T cố tình vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Từ

những nguyên nhân này cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà D với ông T không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài, nên tại phiên tòa bà D yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T là có căn cứ. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị D.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa bà D trình bày trong quá trình chung sống với ông T có 01 con chung tên Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 11/01/2013, sau khi hai bên sống ly thân thì cháu T sống với ông T. Xét thấy Tòa án thông báo kết quả phiên họp về việc giao nộp, công khai chứng cứ và ý kiến của bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, nhưng ông T không có ý kiến gì về việc bà D yêu cầu được nuôi con. Ngoài ra tại bản tự khai ngày 31/5/2021 của cháu T có nguyện vọng muốn sống với mẹ (tức bà D), nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là Bùi Thị Thanh T cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc bà D không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Bùi Chí T.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa bà D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58; các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị D.

1. Về tình cảm: Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Bùi Chí T.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Bùi Thị Thanh Trà, sinh ngày 11/01/2013; ông Bùi T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có đơn yêu cầu của cha, mẹ hoặc

cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí của bà D theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004048 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thành án phí.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoàng